

THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251/HD-TTX

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức, người lao động
trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN);

Căn cứ Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 02/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức – Cán bộ, TTXVN hướng dẫn về phạm vi, đối tượng, chính sách, chế độ đối với viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của TTXVN trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

I. Phạm vi điều chỉnh

- Hướng dẫn này áp dụng đối với các đơn vị thuộc TTXVN trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, gồm: Trung tâm Truyền hình Thông tấn, Ban Tổ chức – Cán bộ, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn, Báo Tin tức, Báo ảnh Dân tộc và Miền núi, Báo Việt Nam News, Tạp chí Vietnam Law and Legal Forum và các đơn vị khác khi sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong (sắp xếp cấp phòng và tương đương).

- Hướng dẫn này không áp dụng đối với các Công ty TNHH một thành viên thuộc TTXVN.

II. Đối tượng áp dụng

Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các đơn vị thuộc TTXVN do sắp xếp tổ chức bộ máy nêu tại phần I (Phạm vi điều chỉnh) hướng dẫn này, bao gồm :

1. Viên chức lãnh đạo, quản lý và viên chức (sau đây gọi là viên chức).
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 (sau đây gọi là người lao động).

III. Nguyên tắc thực hiện chế độ, chính sách

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các đoàn thể và viên chức, người lao động quá trình thực hiện chính sách, chế độ.
2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.
3. Bảo đảm chi trả chính sách, chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.
4. Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng viên chức, người lao động ở các đơn vị sau sắp xếp theo đúng quy định.
5. Từng đơn vị phải thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể viên chức và người lao động công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của viên chức và người lao động; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động.
6. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc

cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý để đơn vị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

7. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

IV. Các trường hợp chưa xem xét nghỉ việc

1. Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

2. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

V. Cách xác định thời gian/thời điểm và tiền lương để tính hưởng chính sách, chế độ

1. Thời gian nghỉ sớm để tính số tháng hưởng chế độ trợ cấp hưu trí một lần là thời gian kể từ thời điểm nghỉ hưu ghi tại quyết định nghỉ hưu đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, tối đa 5 năm (60 tháng).

a) Số tháng nghỉ sớm là số tháng tính từ thời điểm nghỉ hưu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

b) Số năm nghỉ sớm là số năm tính từ thời điểm nghỉ hưu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

c) Thời gian để tính trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

2. Thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền là thời điểm có hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ban hành về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

a) Trong thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm quy định trên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc) thì được tính hưởng chính sách, chế độ theo quy định của 12 tháng đầu tiên.

b) Sau thời hạn quy định tại điểm a khoản này thì được tính hưởng chính sách, chế độ theo quy định của tháng thứ 13 trở đi.

3. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

a) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 05 năm trở lên thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc tối đa 05 năm (60 tháng).

b) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 05 năm thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc bằng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Thời gian để tính trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 7, và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 178 là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc làm hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Trường hợp tổng thời gian để tính trợ cấp có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

4. Thời gian để tính trợ cấp theo số năm nghỉ hưu trước tuổi quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 178 nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

5. Thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chính sách, chế độ nghỉ việc là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh; trường hợp trong hồ sơ không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh.

6. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Tiền lương tháng hiện hưởng bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp và các khoản tiền phụ cấp lương (gồm: *Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, nếu có*), cụ thể:

a) Đối với người hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định

Tiền lương tháng hiện hưởng bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp và các khoản tiền phụ cấp lương, cụ thể:

Tiền lương tháng hiện hưởng	=	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp	x	Mức lương cơ sở	+	Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	x	Mức lương cơ sở	+	Mức tiền các khoản phụ cấp tính theo lương ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp (nếu có)
-----------------------------	---	--	---	-----------------	---	---	---	-----------------	---	---

Mức lương cơ sở để tính tiền lương tháng hiện hưởng nêu trên là mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm tháng trước liền kề tháng nghỉ việc.

b) Đối với người hưởng mức lương bằng tiền theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động thì tiền lương tháng hiện hưởng là mức tiền lương tháng được ghi trong hợp đồng lao động.

VI. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

Viên chức, người lao động đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, thì được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; đồng thời được hưởng trợ cấp hưu trí một lần quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trợ cấp theo số năm nghỉ sớm và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được hưởng 03 khoản trợ cấp sau:

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm:

Đối với người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên:

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 1,0 x	Số tháng nghỉ sớm quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này
-----------------------------	---	--	---------	--

Đối với người nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi:

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 0,5 x	Số tháng nghỉ sớm quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này
-----------------------------	---	--	---------	--

b) Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm: Cứ mỗi năm nghỉ sớm (đủ 12 tháng) được hưởng 05 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 5 x	Số năm nghỉ sớm quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này
---------------------------------	---	--	-------	--

c) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 5 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp tính theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	5 (đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) + 0,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn lại từ năm thứ 21 trở đi
---	---	--	---	--	---

2. Đối với trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được hưởng 03 khoản trợ cấp sau:

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm:

Đối với người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên:

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 0,9 x 60 tháng
-----------------------------	---	--	------------------

Đối với người nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi:

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 0,45 x 60 tháng
-----------------------------	---	--	-------------------

b) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm: Cứ mỗi năm nghỉ sớm (đủ 12 tháng) được hưởng 04 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 4 x	Số năm nghỉ sớm quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này
---------------------------------	---	--	-------	--

c) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 5 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp tính theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	5 (đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc)	+	0,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn lại từ năm thứ 21 trở đi
---	---	--	---	--	---	-------	---

3. Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm như cách tính cho người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên quy định tại điểm a khoản 1 mục VI hướng dẫn này.

- Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

4. Viên chức quản lý được nghỉ hưu trước tuổi tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng mà còn thiếu thời gian công tác giữ chức vụ lãnh đạo tại thời điểm nghỉ hưu để được khen thưởng quá trình cống hiến thì được tính thời gian nghỉ hưu sớm tương ứng với thời gian còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời gian bổ nhiệm của chức vụ hiện đảm nhiệm để xét khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Đối với viên chức không thuộc đối tượng xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cấp có thẩm quyền xem xét các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

VII. Chính sách nghỉ thôi việc đối với viên chức và người lao động

Viên chức và người lao động có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và không đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nếu nghỉ thôi việc thì được hưởng các chế độ như sau:

Viên chức và người lao động quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ Nội vụ được cơ quan có thẩm quyền cho nghỉ thôi việc thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; đồng thời được hưởng 03 chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

1. Trợ cấp thôi việc:

Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên:

Mức trợ cấp	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 0,8 x	Thời gian để tính trợ cấp thôi việc quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP
-------------	---	--	---------	---

Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi:

Mức trợ cấp	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 0,4 x	Thời gian để tính trợ cấp thôi việc quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP
-------------	---	--	---------	---

2. Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Mức trợ cấp	=	Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x 1,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP
-------------	---	--	---------	--

3. Được hưởng chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023).

VIII. Chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy

Viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy, thì được bảo lưu mức lương chức vụ cũ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ đến hết thời hạn bổ nhiệm. Trường hợp đã giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà thời hạn bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng.

IX. Tiêu chí đánh giá viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp và giải quyết chính sách, chế độ

1. Tập thể lãnh đạo đơn vị (gồm: cấp ủy, ban phụ trách đơn vị) phải thực hiện rà soát, đánh giá đối với tất cả viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất theo các tiêu chí sau (*kèm Phụ lục 01 – Bảng chấm điểm đánh giá viên chức, người lao động theo thang điểm 100*):

a) Tiêu chí đánh giá về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của viên chức và người lao động **(20 điểm)**.

b) Tiêu chí đánh giá về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất **(35 điểm)**.

c) Tiêu chí đánh giá về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mà viên chức và người lao động đã đạt được **(35 điểm)**.

d) Đối với viên chức, người lao động được đánh giá là người có phẩm chất, năng lực nổi trội thì phải đáp ứng 3 tiêu chí trên (điểm 1, 2, 3, Mục VII), đồng thời phải bảo đảm tiêu chí đánh giá về đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị **(10 điểm)**.

đ) Điểm trừ (mỗi lỗi vi phạm – theo Phụ lục số 01).

Ngoài các tiêu chí đánh giá trên, các đơn vị có thể xem xét bổ sung thêm tiêu chí cho phù hợp với đặc thù của đơn vị.

2. Quy trình thực hiện đánh giá

a) Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá trên Tập thể lãnh đạo đơn vị (gồm: cấp ủy và Ban phụ trách) tiến hành rà soát tổng thể chất lượng viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình để chấm điểm (*phụ lục 1*) và phân loại thành 03 nhóm:

+ Nhóm I: Nhân sự có tổng điểm đạt được từ 80/100 điểm trở lên.

+ Nhóm II: Nhân sự có tổng điểm đạt từ 60 đến 80/100 điểm trở lên.

+ Nhóm III: Nhân sự có tổng điểm dưới 60/100 điểm.

b) Căn cứ đánh giá, phân loại trên: Tập thể lãnh đạo đơn vị xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động báo cáo Tổng giám đốc xem xét, quyết định đối với nhân sự có tổng điểm dưới 60/100 điểm và những trường hợp không có vị trí việc làm phù hợp (*theo mẫu số 01*).

3. Trường hợp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong (cấp phòng) của đơn vị, nếu viên chức, người lao động đủ điều kiện áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc

ngỉ thôi việc (*theo mẫu số 02*) thì người đứng đầu đơn vị phải lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình Tổng giám đốc (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên).

X. Nguồn kinh phí

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu hợp pháp khác. Ngân sách nhà nước sẽ bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trên số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

XI. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm

a) Khẩn trương phổ biến, quán triệt chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và Hướng dẫn này đến toàn viên chức và người lao động của đơn vị.

b) Căn cứ kết quả đánh giá, phân loại của Tập thể lãnh đạo đơn vị theo các tiêu chí tại Mục IX hướng dẫn này, lập danh sách nhân sự có đơn xin nghỉ việc hoặc nhân sự phải nghỉ việc được hưởng chính sách theo Nghị định số 178 báo cáo Tổng giám đốc TTXVN (qua Ban Tổ chức – Cán bộ) xem xét, quyết định theo thẩm quyền **trước ngày 15/3/2025**.

*** Hồ sơ gồm:**

- Tờ trình của đơn vị (kèm biên bản cuộc họp của Tập thể lãnh đạo đơn vị)
- Danh sách các nhân sự có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc (kèm đơn của nhân sự) và danh sách nhân sự thuộc diện phải nghỉ việc (theo mẫu số 2)

2. Ban Tổ chức - Cán bộ

a) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn này.

b) Tổng hợp, thẩm định danh sách của các đơn vị đề nghị nhân sự được hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trình Tổng giám đốc TTXVN phê duyệt;

c) Phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính dự toán kinh phí giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đối với viên chức và người lao động đủ điều kiện được hưởng theo quy định.

3. Ban Kế hoạch - Tài chính

a) Phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ trong việc dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

b) Trên cơ sở kinh phí được Bộ Tài chính duyệt thực hiện việc chi trả chế độ đối với viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, đề các nghị đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp báo cáo Tổng giám đốc xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- TGD và các PTGD (để báo cáo);
- Các đơn vị trong ngành (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Trang

